

BREXIT VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG KINH TẾ ASEAN

ThS. Lê Thị Mai Hương- ThS. Lê Thị Minh Nguyên

Khoa Kinh tế - Trường Đại học Văn Hiến

Dựa trên những số liệu thứ cấp thu thập được từ các cơ quan ban ngành, bài viết phân tích thực trạng nền kinh tế các nước thành viên Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và qua đó cho thấy giữa các thành viên còn tồn tại khoảng cách trên nhiều lĩnh vực. Do đó, việc nước Anh rời khỏi EU hay còn gọi là Brexit sẽ đặt ra nhiều vấn đề cho AEC, trong đó đáng chú ý là việc tạo lập sự bình đẳng và đồng tình trong AEC.

Từ khóa: Brexit, Cộng đồng kinh tế, vấn đề đặt ra

1. Giới thiệu

Thuật ngữ Brexit (ghép từ hai từ Britain và Exit) bắt đầu trở thành một phong trào lớn mạnh dần từ năm 2012. Khi dòng người di cư tràn qua châu Âu, EU thể hiện một vai trò mờ nhạt khi không điều phối kiểm chế hiện trạng này. Trong bối cảnh đó, Đảng Độc lập Anh (UKIP) nổi lên thành một thế lực chính trị mới khi theo khuynh hướng cực hữu chống làn sóng người nhập cư và muốn Anh rời khỏi EU ngay lập tức. Quyết định rời Liên hiệp châu Âu của cử tri Anh xuất phát từ nhiều nguyên nhân, trong đó chủ yếu là do người dân Anh phản đối tình trạng dân nhập cư làm xáo trộn không gian văn hóa của họ. Song điều này cũng cho thấy mối liên kết và sự đồng thuận của các thành viên EU đã giãn cách. Trong tiến trình hội nhập và đối mặt với những thách thức to lớn trước nhu cầu phát triển kinh tế và hội nhập, bắt buộc AEC phải hợp tác, liên kết gắn bó với nhau mạnh mẽ hơn. Thông qua sự kiện Brexit, AEC có thể rút ra những kinh nghiệm quan trọng để xây dựng mô hình thể chế phù hợp với sự đa dạng văn hoá và dân tộc của các nước thành viên trên cơ sở đồng thuận và thống nhất giữa các thành viên.

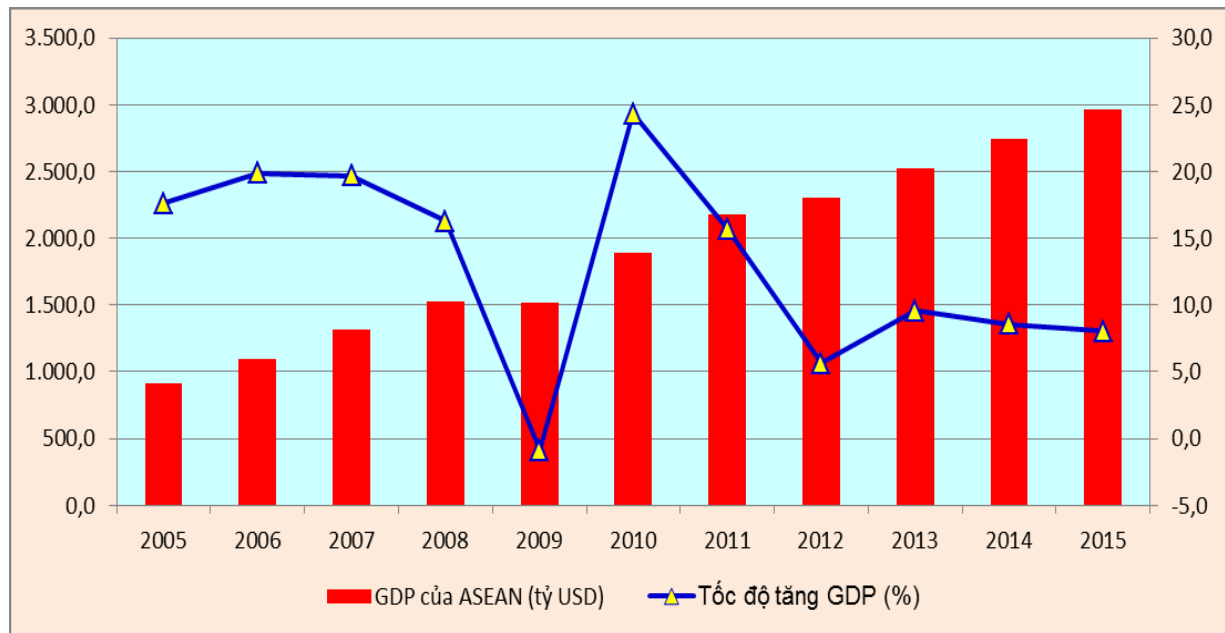
2. Brexit và những vấn đề đặt ra đối với Cộng đồng kinh tế ASEAN

2.1. Thực trạng kinh tế nội khối ASEAN

2.1.1. Về thu nhập quốc dân

Hiện nay ASEAN là nền kinh tế lớn thứ 7 trên thế giới với tổng GDP đạt 2.962,9 tỷ USD vào năm 2015. Trong đó đứng đầu là Indonessia, tiếp theo là Thái Lan, Malaysia, Philippin, ở vị trí cuối bảng là Campuchia và Lào. Nhìn chung các nước thuộc khu vực ASEAN mặc dù đã tiến hành công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước nhưng nông nghiệp

vẫn chiếm tỷ trọng cao, chưa có chính sách kinh tế phù hợp, phần lớn lao động có trình độ thấp, phụ thuộc quá nhiều vào nguồn tài chính nước ngoài dẫn đến nền kinh tế các nước chưa phát triển đồng đều và vững chắc.



Hình 1: GDP và tốc độ tăng GDP của các nước ASEAN qua các năm 2005-2015 theo giá hiện hành (USD)

Nguồn: Thống kê tài chính quốc tế của IMF và tính toán của nhóm tác giả

Mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa các nước ASEAN là khá cao. Nước cao nhất là Singapore. Năm 2015 thu nhập bình quân đầu người đạt 53.931 USD cao gấp 54 lần so với quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người thấp nhất khu vực là Myanmar với 999 USD. Trong khi đó mức chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người ở các nước EU chỉ khoảng 8 lần. Ngoài ra, các quốc gia trong khu vực còn có sự chênh lệch về trình độ công nghệ, cơ sở hạ tầng, dịch vụ y tế, giáo dục,...

Bảng 1: Thu nhập bình quân đầu người của các nước ASEAN theo giá hiện hành (USD)

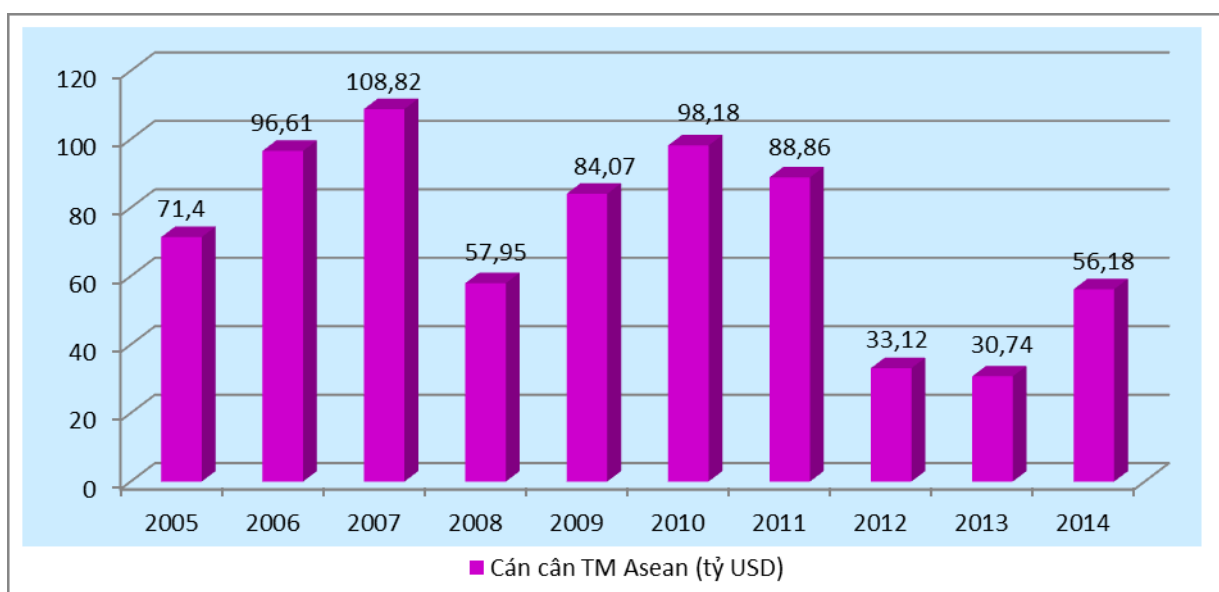
Tên nước	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Brunei	26587	31469	33102	38445	28237	31982	41662	41703	40647	40973	41873
Cambodia	455	514	603	711	703	753	853	934	1017	1111	1215
Indonesia	1291	1623	1898	2211	2300	2986	3511	3592	3817	4105	4430
Lao P.D.R	474	610	712	879	916	1105	1320	1446	1587	1708	1850
Malaysia	5421	6066	7122	8390	7203	8634	9941	10304	10946	11594	12305
Myanmar	216	257	350	533	587	742	824	835	884	939	999

Tên nước	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015
Philippines	1209	1405	1684	1918	1851	2155	2386	2614	2918	3169	3396
Singapore	28498	31739	36754	38213	37195	44697	50000	51162	52179	53014	53931
Thailand	2825	3296	3918	4300	4151	4992	5395	5678	6572	7189	7664
VietNam	637	724	835	1048	1068	1174	1374	1528	1705	1844	1965
ASEAN	67613	77703	86978	96648	84211	99220	117266	119796	122272	125646	129628

Nguồn: IMF's World Economic Outlook database

2.1.2. Về hoạt động thương mại

Thương mại của ASEAN đã tăng đáng kể với tổng kim ngạch năm 2005 đạt đến 2.528,615 tỷ USD vào năm 2014. Các sản phẩm, dịch vụ giao thương nội khối chủ yếu là thực phẩm, nông sản, phụ tùng, linh kiện và thiết bị điện tử, vật liệu xây dựng, máy móc, hàng thời trang và du lịch. Nhìn chung, các mặt hàng trao đổi nội khối vẫn là các sản phẩm thô, có giá trị thấp, làm cho khả năng cạnh tranh của các nước trong khu vực thấp hơn so với các khu vực khác.



Hình 2: Cán cân thương mại ASEAN giai đoạn 2005-2014 (tỷ USD)

Nguồn: ASEAN Statistics

Kim ngạch thương mại giữa các nước ASEAN trên tổng kim ngạch thương mại ASEAN không ngừng tăng trưởng, 22% trong năm 2000, lên 24,05% trong năm 2014 và chiếm khoảng 25% tổng GDP của khu vực. Thương mại nội khối tăng đồng nghĩa với việc xuất khẩu và nhập khẩu tăng, các dịch vụ tăng ngày càng tạo ra nhiều lợi nhuận. Tuy nhiên, mức độ tăng giữa các nước không đồng đều và không ổn định qua các năm. Mặc dù thương mại nội khối ASEAN đã duy trì ở mức 24,3% tổng khối lượng thương mại toàn

khu vực nhưng nếu so với trao đổi thương mại của khu vực EU là 70% thì mức độ hội nhập và liên kết nội khối ASEAN vẫn còn thấp.

Bảng 2: Thương mại nội khối và thương mại ngoại khối của ASEAN năm 2014 (triệu USD)

Quốc gia	Thương mại nội khối			Thương mại ngoại khối			Tổng
	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng	
Brunei Darussalam	2093	1767,65	3860,65	8491,14	1828,91	10320,05	14180,7
Cambodia	2037,94	5577,6	7615,54	8643,46	13395,6	22039,06	29654,6
Indonesia	39822,15	50903,14	90725,29	136470,51	127275,68	263746,19	354471,5
Lao PDR	1451,31	2045,01	3496,32	1188,58	703,89	1892,47	5388,79
Malaysia	65238,64	53726,31	118964,95	168688,71	155124,18	323812,89	442777,8
Myanmar	4362,33	7092,64	11454,97	6668,32	9133,43	15801,75	27256,72
Philippines	9211,24	16158,76	25370	52598,68	51598,19	104196,87	129566,9
Singapore	127739,17	75457,19	203196,36	282029,49	290790,12	572819,61	776016
Thailand	59425,8	43299,45	102725,25	168147,78	184652,85	352800,63	455525,9
Viet Nam	18260,52	22537,14	40797,66	129830,98	123148,44	252979,42	293777,1
ASEAN	329642,1	278564,89	608206,99	962757,65	957651,29	1920408,94	2528616

Nguồn: ASEAN Merchandise Trade Statistics Database

Qua số liệu ở bảng 2 cho thấy Lào là quốc gia có sự phụ thuộc vào thương mại nội khối cao nhất, chiếm 64,88%. Lào phụ thuộc nhiều vào thương mại với các nước láng giềng, đặc biệt là Thái Lan. Tiếp theo là Myanmar có sự phụ thuộc vào thương mại nội khối chiếm 42,02%. Malaysia chiếm tỷ lệ 26,8% về thương mại nội khối và Singapore là 26,1%. Trong khi đó, Việt Nam có sự phụ thuộc vào thương mại với ASEAN thấp nhất (13,88%) vì Việt Nam mở rộng quan hệ thương mại với nhiều quốc gia khác, được thể hiện qua việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO, bình thường hóa thương mại với Mỹ và tham gia nhiều hiệp định thương mại như TPP,... Qua đó, cho thấy các quốc gia có sự phụ thuộc bất đối xứng về thương mại với ASEAN. Lào, Myanmar, Malaysia, Brunei, Campuchia phụ thuộc nhiều vào ASEAN với vai trò là nguồn cung ứng hơn là thị trường.

2.1.3. Đầu tư trực tiếp nội khối và ngoại khối

Một trong những mục tiêu chính của AEC là hình thành một thị trường chung thống nhất, trong đó thương mại, đầu tư được tự do hóa nhằm tăng khả năng cạnh tranh của ASEAN trên thị trường toàn cầu.

Bảng 3: Đầu tư trực tiếp nội khối và ngoại khối của các nước ASEAN (triệu USD)

Country	2012 ^{2/}			2013 ^{2/}			2014 p/		
	Intra-ASEAN	Extra-ASEAN	Total net inflow	Intra-ASEAN	Extra-ASEAN	Total net inflow	Intra-ASEAN	Extra-ASEAN	Total net inflow
Brunei Darussalam	31,5	833,3	864,8	-58,0	783,5	725,5	141,2	427,0	568,2
Cambodia	523,0	1.034,1	1.557,1	298,8	976,1	1.274,9	372,5	1.354,0	1.726,5
Indonesia	7.587,9	11.550,0	19.137,9	8.721,1	9.722,7	18.443,8	13.458,8	8.817,5	22.276,3
Lao PDR	73,6	220,7	294,4	104,6	322,1	426,7	137,9	775,3	913,2
Malaysia	2.813,9	6.586,1	9.400,0	2.187,5	10.109,9	12.297,4	2.771,1	7.943,0	10.714,0
Myanmar	151,2	1.203,0	1.354,2	1.186,8	1.434,1	2.620,9	683,6	262,6	946,2
Philippines	145,2	2.651,8	2.797,0	(41,7)	3.901,5	3.859,8	78,6	6.121,9	6.200,5
Singapore	8.302,0	52.678,3	60.980,3	3.665,0	52.473,3	56.138,3	4.532,7	67.565,6	72.098,3
Thailand	-342,0	11.041,2	10.699,2	1.256,8	11.743,0	12.999,8	653,9	10.884,0	11.537,9
Viet Nam	1.262,5	7.105,5	8.368,0	2.078,6	6.821,4	8.900,0	1.547,1	7.653,0	9.200,1
Total	20.548,8	94.904,0	115.452,8	19.399,6	98.287,5	117.687,0	24.377,4	111.803,9	136.181,4
ASEAN 6 ^{1/}	18.538,4	85.340,7	103.879,1	15.730,7	88.733,8	104.464,5	21.636,3	101.759,0	123.395,3
CLMV ^{1/}	2.010,4	9.563,3	11.573,7	3.668,9	9.553,6	13.222,5	2.741,1	10.045,0	12.786,1

Nguồn: ASEAN Secretariat

Đầu tư trực tiếp nội khối của các nước ASEAN chiếm tỷ lệ thấp, dao động khoảng 16 - 17,7%. Đầu tư nội khối bị hạn chế do tất cả các nước thành viên là những người nhận ròng FDI hơn là những người đi đầu tư. Đầu tư nội khối ASEAN bị chi phối bởi các khoản đầu tư từ Singapore, Malaysia và Thái Lan. Các nước CLMV và Indonesia thu hút khá lớn lượng vốn đầu tư trực tiếp từ ASEAN.

Như vậy có thể nhận thấy các nước thành viên AEC phát triển kinh tế không đồng đều. Mức chênh lệch giữa các quốc gia phát triển ASEAN 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Singapore) với ASEAN 4 (Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar) là khá cao. Như phân tích trên, không chỉ chênh lệch về mức thu nhập bình quân đầu người mà giữa các thành viên AEC còn có sự chênh lệch về trình độ phát triển. Singapore

được đánh giá là nền kinh tế có sức cạnh tranh cao thứ hai thế giới (năm 2013-2014) trong khi Việt Nam chỉ xếp thứ 86/148, Campuchia xếp thứ 91/144 (WEF, 2014). Ngoài ra, giữa các thành viên AEC còn có sự chênh lệch về cơ sở hạ tầng giao thông vận tải. Mức chênh lệch giữa ASEAN 6 và ASEAN 4 thể hiện rõ ở mạng đường cao tốc, đường sắt, đường ống dẫn ga,... trong khi các nước ASEAN 4 thiếu kết cấu hạ tầng (công nghệ thông tin, viễn thông). Theo Cari (2013) trong khi các nước Singapore, Thái Lan, Malaysia có hệ thống giao thông công cộng tốt, internet rộng khắp, chương trình y tế và chính sách trợ cấp tốt trong khi ở nhiều nơi của Campuchia, Lào và Myanmar người dân không tiếp cận được dịch vụ chăm sóc sức khỏe hiện đại, không đủ thực phẩm, thiếu điện,... Như vậy, khoảng cách phát triển giữa các nước trong khối AEC sẽ kìm hãm sự liên kết có hiệu quả giữa các thành viên.

2.2. Brexit và những vấn đề đặt ra đối với AEC

2.2.1. Tác động đến hoạt động thương mại của AEC

Sau khi ký Hiệp định khung hợp tác hai bên năm 1980 với việc ASEAN được hưởng qui chế tối huệ quốc, kim ngạch buôn bán hai chiều EU-ASEAN tăng liên tục. Năm 1993, kim ngạch buôn bán EU-ASEAN tăng gấp 3 lần so với năm 1980 (từ 20 tỷ USD lên 60 tỷ USD) năm 1995 là 70 tỷ USD. Năm 1995, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ hai của ASEAN và là bạn hàng thương mại lớn thứ ba sau Nhật Bản và Bắc Mỹ. Đến năm 2001, EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của ASEAN và là đối tác thương mại lớn thứ 3. Kim ngạch xuất khẩu EU-ASEAN trong thời gian trên là 40.655 triệu Euro. Với EU, ASEAN có tiềm năng to lớn cho việc phát triển hợp tác thương mại hai bên bởi ASEAN vừa là thị trường vừa là cửa ngõ để EU đi vào khu vực Châu Á - Thái Bình Dương.

Bảng 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu của ASEAN với EU

Năm	Nhập khẩu		Xuất khẩu		Cán cân (triệu Euro)	Tổng giá trị thương mại (triệu Euro)
	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		
2005	71.761		44.688		-27073	116.449
2006	79.269	10,5	48.590	8,7	-30679	127.859
2007	81.184	2,4	53.207	9,5	-27977	134.391
2008	80.306	-1,1	56.349	5,9	-23957	136.655
2009	68.379	-14,9	50.206	-10,9	-18173	118.585

Năm	Nhập khẩu		Xuất khẩu		Cán cân (triệu Euro)	Tổng giá trị thương mại (triệu Euro)
	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)	Giá trị (triệu Euro)	Tỷ lệ tăng trưởng (%)		
2010	85.828	25,5	61.829	23,2	-23999	147.657
2011	94.157	9,7	69.176	11,9	-24981	163.333
2012	99.108	5,3	81.594	18	-17514	180.702
2013	96.803	-2,3	81.697	0,1	-15106	178.500
2014	101.079	4,4	78.583	-3,8	-22496	179.662
2015	118.441	17,2	83.038	5,7	-35403	201.479

Nguồn: Eurostat Comext – Statistical regime 4

Đến năm 2015, kim ngạch thương mại hai chiều ASEAN – EU đạt 201.479 Euro, tăng 21.817 Euro, tương ứng 12,14%. Những số liệu trên cho thấy EU luôn là một trong những thị trường xuất nhập khẩu quan trọng của ASEAN. Năm 2014 EU là một trong mười đối tác thương mại quan trọng, chiếm vị trí thứ 4 trong thương mại của ASEAN.

Bảng 5: Mười đối tác thương mại hàng đầu của ASEAN năm 2014 (tỷ USD)

Đối tác	Xuất khẩu	Nhập khẩu	Tổng
ASEAN	330.318,07	278240,23	608558,30
Trung Quốc	152.545,53	197962,84	350508,37
Nhật Bản	124.434,15	121794,12	246228,27
Mỹ	122.863,23	117903,87	240767,10
EU-28	114.509,74	92345,68	206855,42
Hàn Quốc	52.822,99	82139,58	134962,57
Đài Loan	39.472,10	68841,39	108313,49
Hồng Kong	85.275,45	14096,87	99372,32
Úc	45.526,07	22531,39	68057,46
Ấn Độ	41.935,24	25926,65	67861,89
Tổng mười thị trường	110.9702,60	1021782,60	2131485,19
Khác	182.697,20	214433,50	397130,70
Tổng	240.2102,30	2257998,70	4660101,08

Nguồn: ASEAN Merchandise Trade Statistics Database

Theo dự báo, đồng EUR và GBP mất giá sẽ tạo ra bất lợi đối với các đối tác xuất khẩu hàng hóa lớn vào thị trường EU khi giá cả tương đối của các hàng hóa vào EU trở nên cao hơn. Thêm vào đó, những dự báo không mấy khả quan của nền kinh tế Châu Âu theo sau sự kiện “Brexit” kéo giảm nhu cầu tiêu thụ hàng hóa và qua đó làm giảm nhu cầu hàng hóa nhập khẩu vào EU. Điều này gây áp lực lên các nhà xuất khẩu lớn vào EU như Trung Quốc hay ASEAN (*Vietcombank Securities, Brexit rủi ro khó lường, 2016*), từ đó sẽ ảnh hưởng đến hoạt động thương mại của AEC.

2.2.2. Tác động đến thị trường chứng khoán và các sản phẩm tài chính khác

Khi Anh rời khỏi EU thì thị trường chứng khoán nói riêng và những tài sản rủi ro sẽ gặp nhiều bất lợi. Ngoài những tác động đến chỉ số chung, Brexit còn tác động gián tiếp tới các doanh nghiệp của khu vực AEC có quan hệ thương mại với khu vực EU như ngành dệt may, giày dép, thủy sản, cà phê,... Theo đó sự kiện này được nhìn nhận là mang đến tác động tiêu cực (*Vietcombank Securities, Brexit rủi ro khó lường, 2016*). Ngoài ra, Brexit sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của AEC. Thị trường chứng khoán khu vực AEC nói chung đã giảm điểm khi có thông tin Anh rời khỏi EU, mặc dù điều này hoàn toàn không có liên quan đến thị trường chứng khoán khu vực nhưng đã tác động đến tâm lý của cả nhà đầu tư ngoại cũng như nhà đầu tư trong nước. Điều này cho thấy khi hội nhập càng sâu với kinh tế thế giới thì bất kỳ động thái thay đổi nào của thị trường thế giới cũng sẽ ảnh hưởng tức thì đến doanh nghiệp trong nước (*Nguyễn Mai, 2016*).

Việc Anh rời khỏi EU cũng có thể mang đến cho các nước ASEAN một số lợi thế trong việc tạo ra những điều kiện thuận lợi để ký kết các thỏa thuận thương mại tự do và thu hút đầu tư đến từ Anh. Thậm chí, hầu hết các nước Đông Nam Á đều xem Anh là đối tác chiến lược của họ. Tuy nhiên, hiện tại chưa thể đưa ra những ước tính chắc chắn về tác động của Brexit đến các nền kinh tế này mà còn phải chờ đợi những tiến trình tiếp theo trong mối quan hệ giữa Anh và EU (*Trung tâm hỗ trợ WTO Tp.HCM, tác động từ sự kiện Brexit lên các nước ASEAN, 2016*).

2.2.3. Tạo lập sự bình đẳng và đồng tình trong AEC

AEC đã được xây dựng theo mô hình và chia sẻ những tham vọng của EU - đó là hướng tới một thị trường duy nhất và một chuỗi cung ứng công nghiệp chung, với sự dịch chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ và lao động. AEC có ưu điểm là ngay từ đầu đã tìm cách vượt qua những khác biệt giữa các thành viên, với các chương trình được thiết kế để thu hẹp khoảng cách giữa các quốc gia thành viên mới và cũ, giữa các nước giàu và nghèo. Tuy nhiên, mô hình liên kết của ASEAN cũng chưa hoàn toàn hoàn hảo, thậm chí còn

lông lẻo. ASEAN dường như không có khả năng giải quyết vấn đề bất bình đẳng kinh tế - xã hội mang ý nghĩa quan trọng. AEC chưa thực sự hội nhập các lĩnh vực mang tính “nhạy cảm” như mở cửa ngành nông nghiệp, chế tạo ô tô và các ngành mang tính bảo hộ khác. Các công dân ASEAN sẽ được phép làm việc ở các quốc gia khác trong khu vực trong giới hạn 8 ngành nghề, trong đó có kỹ sư, kế toán và du lịch. Các ngành nghề này chỉ chiếm 1,5% tổng số việc làm của khu vực và các nước chủ nhà vẫn có thể dựng lên các rào cản pháp lý để hạn chế thất thoát nhân tài. Nông dân và lao động phổ thông hoàn toàn ở thế bất lợi. AEC đặt mục tiêu giúp cho người lao động có kỹ năng di chuyển trong toàn khối, nhưng không có chính sách giúp cho những người không có kỹ năng có cơ hội làm việc trong khu vực. Việc một bộ phận dân chúng Anh chọn quyết định chia tay với EU là vì họ cảm thấy nhận được rất ít lợi ích kể từ khi tham gia vào thị trường chung hồi năm 1973. Nếu việc toàn cầu hóa và hội nhập khu vực không đem đến lợi ích thì chủ nghĩa dân tộc sẽ trỗi dậy và cùng với đó là định kiến và bất hòa. Điều này hoàn toàn có thể xảy ra với ASEAN nếu không xử lý hiệu quả những chênh lệch giữa các nước, đặc biệt trong lĩnh vực nhạy cảm như việc làm.

Ngoài ra, tính thống nhất trong ASEAN còn lỏng lẻo, tình trạng chia rẽ trong nội bộ ASEAN ngày càng trở nên rõ nét. Điều này được thể hiện tại cuộc họp của các Ngoại trưởng ASEAN và Trung Quốc trong tháng 6/2016. Các Bộ trưởng ASEAN đã quyết định rút lại tuyên bố chung nhằm xây dựng trật tự khu vực ở Biển Đông. Thực tế này cho thấy vai trò của ASEAN trong giải quyết các vấn đề cấp khu vực còn hạn chế, các nước ASEAN không có sự đồng thuận về vai trò của các nước lớn trong khu vực, các chính thể khác nhau có quan điểm khác nhau. Những vấn đề này nếu không được xử lý một cách thận trọng, thỏa đáng có thể tạo nên một “quả bom nổ chậm” đối với ASEAN, ảnh hưởng đến những thành tựu của ASEAN.

3. Kết luận

Việc nước Anh rời khỏi EU sẽ có những tác động đến thị trường thế giới và khu vực. Như vậy, cộng đồng kinh tế ASEAN với tham vọng là hợp nhất hiệp hội 10 quốc gia thành viên thành một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung, tiến tới thiết lập một liên minh chính trị chặt chẽ hơn. Đây cũng là bài học cho các nhà lãnh đạo AEC cân nhắc tiến trình hội nhập sao cho sát với nhu cầu của người dân, dành nhiều thời gian và tâm huyết cho người dân trong bối cảnh ASEAN đang trong tiến trình hội nhập nhanh chóng với quyết định xóa bỏ các hàng rào thuế quan cũng như đặt lộ trình bãi bỏ các hàng rào phi thuế quan trong nội bộ ASEAN vào năm 2025.

